

THĂM DÒ ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN MÔN NGỮ VĂN TRONG GIÁO DỤC VIỆT NAM

GS.TS. NGUYỄN THANH HÙNG

1. Bối cảnh giáo dục Việt Nam

Gần ba mươi năm, giáo dục Việt Nam loay hoay đổi mới nhưng cửa ra vẫn chưa sáng sủa. Hi vọng lần này với quyết tâm cao đổi mới “căn bản” và “toàn diện” không làm chúng ta thất vọng.

Hội thảo “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam*” diễn ra ngày 14 tháng 8 năm 2012 do Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức đã đưa ra những ý tưởng chung là “*xây dựng một nền giáo dục mở, thực hiện học suốt đời gắn với giáo dục điện tử*”. Đó là một trong những quan điểm đổi mới, nhưng những ý tưởng này vẫn chưa có sự đồng thuận cao.

Xã hội ngày nay lấy công nghệ thông tin làm nguồn tri thức, lấy toàn cầu hóa làm không gian giao lưu và đối thoại, lấy kinh tế tri thức làm động lực công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Con người, không phân biệt là bình thường hay ưu tú sẽ phải làm những việc ấy thường xuyên và phải cần “*học tập để tồn tại*” như tên một cuốn sách nổi tiếng của Edgar Faure (1792).

Có thể nói, hiện nay là “*thời đại học tập*” và “*học tập suốt đời*” (Lifelong reading) để hình thành một “*xã hội học tập*”. Xã hội học tập đem lại cái nhìn gửi gắm thiết tha vào vai trò to lớn của giáo dục đối với mỗi người dân và mọi mặt đời sống, xã hội. Trong đó, mọi cư dân phải tiếp cận, nắm vững học thức để giải quyết những vấn đề cuộc sống đặt ra, đáp ứng nhu cầu tồn tại của mình ngày một phát triển thành từng cá thể tích cực có tinh thần hợp tác, nắm vững chuyên môn và tay nghề để vừa là mình vừa là một thành viên mà xã hội không thể ruồng bỏ. Bê bộn là thế nên chẳng ép mình nói theo cái đã định ra còn lăm chông chênh mà tìm cách trao đổi những gì mỗi người có thể tham chiếu để làm rõ thêm định hướng, nội dung, phương pháp đổi mới căn bản, toàn diện trong dạy học môn Ngữ văn ở nhà trường trung học phổ thông sau năm 2015.

Tư tưởng đổi mới dù có cao vọng và chân thành bao nhiêu cũng có thể làm cho thực tại cuộc sống bị teo tóp và vô lực bấy nhiêu nếu không tự giãn ra để ăn khớp nhiều hơn với thực tế sinh động. Nhấn mạnh chữ “*căn bản*” là truy tìm tới tận gốc rễ nhằm thay đổi triệt để nền giáo dục

Việt Nam bao gồm cả hai mặt vừa loại bỏ các yếu kém vừa vun trồng mặt tốt đẹp. Căn bản vừa là nguyên nhân có thể sản sinh và tăng trưởng trong quá trình chuyển hóa thành nền tảng bền vững. Cái căn bản là cái không thể thiếu trong sự phát triển của con người, là hành động thích ứng trước cơ hội và thách thức toàn cầu hóa trong giáo dục.

Đổi mới toàn diện đồng nghĩa với sự thừa nhận giáo dục Việt Nam chưa có tầm nhìn (vision) sâu rộng trong bối cảnh thời đại hội nhập quốc tế và nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Toàn diện, không có nghĩa là làm cho đầy đủ mọi mặt, mà còn phải lựa chọn gặt gao phương hướng chủ đạo, nội dung cốt lõi và con đường thực hiện hợp lí sao cho ăn chắc về hiệu quả giáo dục mà sản phẩm cuối cùng của nó là con người trẻ tuổi Việt Nam được trải nghiệm, đương đầu trước những biến động thời đại mà vẫn tự chủ, vừa duy lí và trực giác, vừa hiện thể và tiềm tàng năng lực hành động theo truyền thống thế tục và như một cư dân toàn cầu. Họ là những người coi trọng giá trị tinh thần và giá trị vật chất, tôn trọng lợi ích cộng đồng, vừa có văn hóa vừa là người nắm vững khoa học kĩ thuật, công nghệ thông tin, vừa mang đậm bản sắc dân tộc khoan hòa và thông thái (wisdom, Weisheit) tức là “*thông minh trong cuộc sống*” như Bác Hồ đã gợi ý từ năm 1946.

2. Lật lại đặc trưng môn Ngữ văn trong nhà trường trung học phổ thông

Sở dĩ môn Ngữ văn giữ vị trí hàng đầu như môn Toán vì nó là sự phái sinh (derirational) từ văn chương thuần khiết vào sinh hoạt học đường. Kể từ thời kì đồ đá cũ, thi ca là một bộ phận trong đời sống của xã hội loài người. Không xã hội nào tồn tại mà không từng biết tới một hình thức nào đó của văn chương. Nếu con người quên văn học thì họ sẽ quên chính mình.

Trong văn chương có cái gì đó như là đặc chất chống lại xã hội tiêu dùng và không hề có sự dàn hòa với tội lỗi nảy sinh từ cái xấu và cái ác. Nhà thơ Hữu Thỉnh đã viết “*Vũ Trọng Phụng là một trong những người nghe rõ nhất tiếng gào rú man dại của con vật lạ đến từ trời Tây*”. Nó có tên gọi là cơ chế thị trường. Với cơ chế thị trường, người ta

thực sự chứng kiến một cuộc xâm lăng văn hóa'. Tôi nghĩ thêm đây là xâm lăng văn hóa bằng tiền và vì tiền. Ở đâu đồng tiền vào cửa thì sự tốt đẹp phải đi ra. Truyện Kiều là một bằng chứng nhân tiền sau mấy trăm năm được lặp lại khốc hại hơn nhiều trong xã hội kim thời.

Văn thơ đích thực luôn tẩy trừ sự đồng nhất và luôn đòi hỏi sự tồn tại những sự khác biệt bên nhau. Văn thơ có thể nói được những điều có ý nghĩa về sự sinh tồn của con người mà không thể biểu hiện bằng cách nào khác hay hơn, đẹp hơn ngoài nó. Văn học là đập chặn bảo vệ giá trị văn hóa bằng cách tự thể hiện văn hóa của mình trong từng dân tộc. Đó là đặc trưng phổ quát đem lại sự "đổi gió" cho văn học nhà trường trong xu thế mới. Tiếp cận văn hóa và nhấn mạnh đặc trưng văn hóa của văn học cũng là cách để cao chức năng giáo dục cái đẹp đa dạng và dài lâu của văn chương với tư cách là nghệ thuật ngôn từ đặc biệt có khả năng truyền cảm hứng lan tỏa sâu rộng trong nhận thức, đánh giá thưởng thức giá trị thẩm mỹ và năng lực phát triển cho mỗi học sinh đối với cuộc sống. Như người ta thường nói, cái đẹp luôn luôn song hành trong cuộc sống con người và trở thành "đạo đức học của tương lai".

Tiếp cận văn hóa và coi trọng đặc trưng văn hóa là phù hợp với đối tượng thẩm mỹ của tác phẩm văn chương. Đó là hình tượng con người liên hệ với người khác trong cơ chế bí ẩn của cuộc đời và ngôn ngữ nghệ thuật vốn đã lạ kì như sự thất thường của ánh sáng khó nắm bắt, nhưng lại thu hút sự đam mê thấu hiểu. Hơn nữa, chính con người và ngôn ngữ là hai sản phẩm có giá trị cao nhất và độc đáo nhất mà thành quả văn hóa tạo ra.

Nghiên cứu đặc trưng văn hóa của văn học thực ra là nghiên cứu liên ngành, một xu hướng có nhiều lợi thế để hiểu văn học trong mạng lưới quan hệ cởi mở của thực tại. Hơn nữa, với cách làm này, lịch sử văn hóa tinh thần bao gồm tư tưởng nhân văn và tư duy nghệ thuật trong văn học sẽ được mở rộng, đi sâu hơn bởi mối quan hệ này vốn có giữa các hình thái ý thức xã hội như dân tộc học, nhân chủng học, xã hội học, huyền thoại học, phân tâm học, văn học thể tục, cái thẩm mỹ đời thường, mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ học cơ thể, thẩm mỹ học thời trang và hoa hậu sẽ góp phần khám phá "thân thể giác ngộ tinh thần" vốn hòa quyện trong suốt vào nhau.

Nghiên cứu văn học theo khuynh hướng văn hóa sẽ đặt văn học vào trong lòng đời sống xã

hội đương đại chứ không lấy văn học dày xéo lên cánh đồng văn học như cũ, mà không tạo ra được một thứ lương thực nào, thậm chí đến cỏ dại cũng không thể sống.

3. Giá trị của chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn không phải là ở tuổi thọ

Chương trình môn Ngữ văn là một kế hoạch dạy và học trong khoảng thời gian phù hợp, có thể thực hiện được trong từng trường trên cả nước. Linh hồn sống động của chương trình là nội dung học vấn – nội dung văn hóa sẽ đáp ứng được nhu cầu và hứng thú của người học nhưng cũng là miễn tâm lực, người giáo viên có thể đảm đương một cách sáng tạo. Giá trị của chương trình Ngữ văn trước hết phải khéo léo làm nổi bật quan điểm "học một biết mười" theo quan hệ giao thoa giữa truyền thống và hiện đại. Nói vậy cũng có nghĩa là chương trình nên lấy điều muốn học, cần học và có thể học của học sinh làm chính.

Chương trình ngữ văn phải hướng vào tư tưởng học suốt đời (Lebenlang Lernen) bằng sự ưu tiên nghiên cứu và quy định cụ thể sách đọc (Lesebuch) chính thống và tài liệu tham khảo bắt buộc phải có chất lượng cho việc tự học của học sinh.

Ngữ văn là môn học mềm dẻo phù hợp với tiềm năng vốn có của mọi lứa tuổi. Theo Karl Marx thừa xưa "không có gì thuộc về con người lại xa lạ với tôi" vì môn Ngữ văn thuộc khoa học nhân văn về tư tưởng và tâm hồn con người nên có cơ sở để nghĩ như vậy.

Về nội dung chương trình, nên cân nhắc lại tỉ trọng giữa văn học trung đại và văn học hiện đại. Dẫu biết văn học trung đại là tinh hoa văn hóa tinh thần, lắng đọng truyền thống yêu nước và nhân đạo chính trực của dân tộc Việt, nhưng xét về mặt văn học thuần khiết đích thực thì còn nhiều vấn đề chưa thỏa mãn cái đẹp, cái hay và sự hấp dẫn thị hiếu thẩm mỹ của học sinh. Nên chăng cần cởi mở với văn học hiện đại và hậu hiện đại như một sự bứt phá cách tân nghệ thuật, một sự đổi mới cách nhìn thế sự tinh táo và tự do sáng tạo vừa được phản biện công khai trên mặt bằng lịch sử, không có cách bức quá xa và khác biệt giữa tác giả và bạn đọc học sinh về đời người và người đời.

Về cấu trúc chương trình, không nên sắp xếp theo thể loại văn học. Tôi hiểu cách làm trước đây là xem trọng đồng đại để xâu chuỗi văn học dân tộc và văn học nước ngoài, tránh việc mô tả lịch sử văn học một cách trung tính. Nhưng chỉ dựa vào thể loại văn học thì vẫn nặng tính

hình thức. Cái cốt lõi của nội dung nhân văn của những quá trình phối hợp sự hỗn đồng văn hóa (acculturation) và của giá trị văn hóa vẫn tiềm tàng trong những kiệt tác.

Để giảm tải có hiệu quả đào tạo giáo dục cái đẹp của con người và cuộc sống phong phú đa dạng, độc đáo, nên nghĩ tới khả năng xây dựng chương trình Ngữ văn trung học phổ thông theo hướng văn học so sánh (literaturcompare). Karl Marx từng quan niệm "chỉ có sự dồi dào mới là xác thực". Làm như vậy sẽ kết hợp được vẻ đẹp về tư tưởng nghệ thuật của nhà văn nảy sinh từ vẻ đẹp đất nước và con người trong truyền thống văn hóa khác nhau được hội tụ vào giá trị làm người. Mặt khác, cũng là khơi lại truyền thống "biết người biết ta" tránh cái cốt cách "trong nhà nhất mẹ nhì con" và "mục hạ vô nhân" mà kém đi cái sự học hành từ đầu đến đũa giá trị văn hóa đỉnh cao của nhân loại.

Chúng ta đang dần bước vào gia đình thế giới với các tổ chức sáng giá, lạ lẫm đầy khó khăn trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa đa cực không thuần nhất, nên đây là bước nhảy hoàn vũ nên làm. Truyện Kiều của Nguyễn Du ngang giá với Épghênhê Ônêgin của Puskin. Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh là sự kết tinh cảm hứng nhân quyền của Pháp và Mĩ. Ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến vời vơi tâm tình như tám bài thơ của Đỗ Phủ. Thơ Xuân Diệu là gạch nối với ai đó như Bôđơle chẳng hạn, trong trường phái tượng trưng. Thơ Tố Hữu và thơ Maiacôpxki được khởi sinh từ đồng đảo con người cách mạng. Thạch Lam nhẹ mà thấm như Bunhin. Nam Cao tự xếp mình vào phong cách nghệ thuật của Lỗ Tấn và Sêkhốp. Kim Lân gần bó hồn quê làng xóm như Phônơcơ. Nguyễn Minh Châu ngang tầm tinh anh với Ô Henri. Vũ Trọng Phụng kém gì Nôben của Mạc Ngôn. Xuân Quỳnh đắm say và thua lỗ khác gì Blaga Dimitriêva. Hoài Thanh sóng đôi cùng Johanes Becher về sự tinh vi của lao động tâm hồn. Tô Hoài bị hút hồn bởi hương vị quê hương xứ sở như Ôlê Biên-cốp, Vô Quảng và Gaiđa đã trả lại cho lớp măng non sự hỗn nhiên trí tuệ trong những truyện kể như mơ. Đây chỉ là giả dụ lấy cái sẫm sấp đầy vơi mà nói, còn nếu làm thật thì phải dựa vào một công trình nghiên cứu nghiêm cẩn hơn rất nhiều.

Về sách giáo khoa Ngữ văn trung học phổ thông, đã có nhiều cái mới như tư tưởng tích hợp và tích cực trong nội dung và phương pháp. Xây dựng một

nền giáo dục mở thì dứt khoát sách giáo khoa phải mở rộng hơn nữa chứ không được nữa vơi.

Có vài vấn đề trong sách giáo khoa cần suy tính thêm. Phần yêu cầu cần đạt: Một là, yêu cầu cần đạt về kiến thức. Hai là, yêu cầu đạt về kĩ năng. Ba là, yêu cầu cần đạt về thái độ. Chữ thái độ ở đây chưa nói đầy đủ chức năng giáo dục – dạy văn. Hàm nghĩa của thái độ là gì? Là sự phản ứng đạo đức của học sinh hay là sự hồi đáp của họ về nhận thức khoa học. Theo tôi hiểu, ở đây có sức chứa của tư tưởng lớn, tình cảm cao đẹp, lối sống văn hóa, đạo đức, cảm xúc thẩm mĩ và khát vọng hoàn thiện bản thân mà bài học hướng tới. Có thể thay đổi "thái độ" bằng kinh nghiệm sống được không? Trong triết học Nga, người ta thiết lập được tiêu chí hoàn toàn mới về chân lí và khả năng nhận thức tương ứng với nó. Đó là khái niệm kinh nghiệm nhưng không phải với tính cách là kinh nghiệm hiển nhiên, cảm tính, mà với tính cách là nhận thức tồn tại, trực giác từ cuộc sống trong sự đồng cảm (empathie) và sự nếm trải (erleben) bằng kinh nghiệm nội tâm (L'expérienceintérieure). Theo chiều hướng ấy, Hans Robert Jauss trong công trình "Kinh nghiệm thẩm mĩ và luận giải văn học" (1997) cũng nhấn mạnh bình diện sản sinh kinh nghiệm thẩm mĩ của văn chương, bình diện tiếp nhận kinh nghiệm thẩm mĩ của mĩ học và kết quả giao tiếp kinh nghiệm thẩm mĩ của sự thanh lọc tâm hồn. Bản chất của văn học trong sự vận động của nó, theo Kant là sự tự ý thức của con người về chính mình từ kinh nghiệm thẩm mĩ ấy.

Mục từ thái độ trong sách giáo khoa dù nói theo kiểu nào cũng phải thỏa mãn mục đích tự giáo dục trong dạy học Văn mà chỉ có văn chương mới làm được. Có thể nói tuổi trẻ học đường là một kinh nghiệm đầu đời mà mỗi cá nhân họ phải biết rằng trung điểm con đường đời sống phải từng lúc được tái tiếp cận như chính cuộc thực nghiệm bản thân. Ikêđa, một thức giả minh triết, thực dụng trong lí luận người Nhật cho rằng "Cách mạng con người là sự tự nhận thức một cách rõ ràng mục đích của cuộc đời mình chứ không phải là đạt đến mục đích như trước nay đã định. Nó cho phép chúng ta hiểu đâu là mục đích phải hướng tới mặc dù trên đời này không có cái gì là hoàn hảo, là không có cái khó của nó. Sách xưa viết "Thử sự cổ nan toàn". Vì vậy, yêu cầu thứ ba phải trở thành điều cần được chăm sóc nghiên cứu sâu hơn. Đó là nội dung hiệu quả của dạy học Văn góp

phần hình thành năng lực sống của học sinh.

4. Giải trừ sự rối loạn và nhiễu tâm của của phương pháp dạy học Ngữ Văn

Chúng ta nhớ, hình như Ácsimét thì phải, đã từng nói đại ý nếu cho tôi một điểm tựa, tôi sẽ nâng quả đất lên, phương pháp cũng chỉ là một điểm tựa chứ không có nội dung trong bài học. Theo tôi, trong dạy học không hề có một phương pháp hiện thân hoàn toàn. Người ta thường hay nói ma trận (matrice) của phương pháp đã biến thành kĩ năng vận dụng có tính kĩ thuật trong dạy học Văn. Đánh giá tính khả dụng (disponible) của phương pháp dạy học Ngữ văn là ở sức sống của nó. Nói đến sức sống trước hết phải nghĩ tới mảnh đất có thể nuôi dưỡng và phát triển nó được không. Nước ta đang trên con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa nên chưa thể đem những phương pháp hiện đại vào nhà trường, nhưng chắc chắn phải phát triển hệ thống phương pháp dạy học bộ môn của mình một cách chặt chẽ thận trọng. Ngoài ra, phải tính đến những phương pháp nào của mình trong truyền thống và trên thế giới phù hợp với đặc thù văn chương và môn Ngữ văn.

Bao trùm lên hai điều kiện lựa chọn ấy phải tìm được những kĩ năng hình thành và phát triển việc hoàn thiện cách học tập có tính sáng tạo và dạy cách học mới để học sinh học cách xoay sở khéo léo bẩm sinh và trí thông minh tồn trữ trong tất cả mọi người trước những khó khăn. Đó là khả năng mới của phương pháp có được nhờ sự khuấy động niềm đam mê (passion), tinh thần hiếu học (curiosity) và khai mở trí thông minh (intelligent). Với cách nhìn đó, hãy thử vận dụng phương pháp nghiên cứu (researche – methodology), phương pháp diễn thuyết nêu vấn đề và bình luận. Đặc biệt trong hoàn cảnh còn tập trung khá đông học sinh trong một lớp có thể phát huy tác dụng cùng học cùng chơi mang tính cộng đồng chặt chẽ. Cộng đồng này có tác động không nhỏ lên không khí và kết quả học tập môn Ngữ văn, môn đặc thù mang tiềm năng nhân văn hóa cái tốt đẹp lương thiện như môi trường giao tiếp tính người không hề xa lạ với từng học sinh để tạo ra sự thay đổi chất lượng dạy học. Nếu chúng ta tạo ra một cộng đồng tích cực, nơi học sinh chia sẻ và hỗ trợ nhau trong học tập thì kết quả học tập sẽ tốt hơn nhiều so với một lớp học chỉ thuần túy là môi trường học thuật. Lớp học kiểu cộng đồng tích cực là một xã hội thu nhỏ gồm nhiều vòng tròn đồng tâm có thể ánh xạ vào nhau. Phương pháp dạy học theo

nhóm cùng hoạt động đặt vào đây là thích hợp nhất. Đương nhiên, cần dựa vào sự tự nguyện và tính sẵn sàng hợp tác và chia sẻ tập thể, thương lượng trong đối thoại, tranh luận của học sinh nếu không thì sự liên kết, áp đặt ấy chỉ dẫn đến "sự đau khổ vô hạn" như I.Nêru đã nhắc nhở.

Quan điểm và thái độ lành mạnh của chúng ta trong áp dụng phương pháp dạy học Ngữ văn là hãy *tận dụng khả năng nhìn lại (step back)*, một thói quen ít xuất hiện ở người Việt Nam. Chúng ta chỉ thích dạy theo những cái mới lạ như "cái phở" mà không kiên tâm lặn lội vào cái đã có, như "cái cơm" để có *cái không hoàn toàn mới* nhưng có thể lại là chỗ tuyệt diệu về ý nghĩa thiết thực của phương pháp là ở cách dùng nó dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn. Dạy học bất kì môn nào cũng mong đạt hiệu quả cao nhất để đủ sức "học suốt đời" đó là dạy cách tư duy, tức là dạy học sinh gõ mạnh vào bộ óc và biết rút ra từ trí não của mình những gì có thể vận dụng vào cuộc sống. Văn chương và môn Ngữ văn là *nơi hội tập* được nhiều loại tư duy và trí khôn nhất. Tiến đề đó cho phép chúng ta vận dụng phương pháp công não (brainstorming) vào dạy học Ngữ văn.

Phương pháp công não được vận dụng vào hoạt động học nhóm để tạo ra số lượng đáng kể những ý tưởng để giải quyết vấn đề.

Nó triệt để sử dụng liên tưởng và thuyết liên đới. Phương pháp này gắn với tên tuổi Alex Faickney Osborn trong công trình "Ứng dụng trí tưởng tượng" để giúp tăng gấp nhiều lần sự sáng tạo ở đầu ra. Phương pháp công não giảm đáng kể sự ức chế, kích thích sự phát sinh ý tưởng mới với công thức minh họa $1+1=3$.

Phương pháp công não thường thu nạp vào mình hai biện pháp dạy học đơn giản là sử dụng phiếu tư duy (brain writing) và bản đồ tư duy (mind mapping).

Còn rất nhiều phương pháp hiện đại chưa được "đăng kiểm" như phương pháp kiến tạo tích cực, phương pháp ánh sáng chói, phương pháp hỏi đáp rộng, phương pháp báo cáo để dẫn, phương pháp bàn tròn, phương pháp dàn dựng ảo, phương pháp giả cách về tình huống dạy học... đang hối thúc chúng ta tìm hiểu theo phương pháp phân tích SWOT để lựa chọn "đăng nhập" và "Việt Nam hóa" vào hệ thống phương pháp dạy học Ngữ văn.

Văn học như ta được học và hiểu do nhà trường đã dạy đến nay không còn yên ổn nữa.

Theo quan điểm vận động của văn học nếu rút gọn vào hành động viết nên văn bản và hành động đọc ra tác phẩm thì chung quy lại đều có quan hệ mật thiết nội tại diễn ra trong đầu nhà văn đọc khi viết và ở trong đầu người đọc viết ra tác phẩm khi đọc.

Tác phẩm văn học là sản phẩm của nghệ thuật ngôn từ không có sẵn. Như đã nói, mối quan hệ giữa nhà văn với tư cách là người đọc đặc biệt, người đọc đầu tiên trong khi viết tác phẩm đã tương tác với người đọc đang cùng sống với những tác phẩm liên quan và kinh nghiệm của bạn đọc trong lịch sử, liên hệ vào quá trình giải mã cái biểu đạt chẳng khác nào người đọc viết lại (récrire) tác phẩm mình đang đọc.

Chúng ta hiểu hình thức nghệ thuật của tác phẩm chỉ là yếu tố biểu đạt để làm sáng tỏ cái được biểu đạt chính là nội dung tác phẩm. Theo Derida, những cái biểu đạt vĩ đại hơn nhiều so với những cái được biểu đạt bởi hệ thống cái biểu đạt đang tồn tại rải rác quanh ta và rất nhiều cái chúng chưa có tên để gọi. Ngôn từ của tác phẩm văn học là cái biểu đạt không toàn vẹn những cái được nói ra bằng những điều nói ra. Thật sai lầm nếu không biết cái biểu đạt bao gồm ngôn từ và cả những kí hiệu thẩm mỹ đa dạng trong hình thức nghệ thuật tác phẩm. Kí hiệu thẩm mỹ có trong tự thân nó phát sinh vô hạn nghĩa. Nếu chỉ đi sâu phân tích riêng tín hiệu ngôn ngữ thì không đủ khả năng tìm ra chìa khóa mở ý nghĩa ẩn đằng sau văn bản nghệ thuật.

Đó là lí do để Derida viết rằng: "*Văn học không phải là hình thức ngôn ngữ đặc trưng mà là hình thức đọc đặc trưng được nối tiếp tự nhiên giữa viết ra tác phẩm và đọc tác phẩm*".

Lí thuyết tiếp nhận xem tác phẩm là một tiếng gọi hiệu triệu (Appell). Nếu hỏi nhà văn kêu gọi điều gì thì thật không dễ trả lời vì không sao tìm thấy đầy đủ bằng cứ trong tác phẩm để đối tượng thẩm mĩ lộ ra, mà chỉ có những yếu tố mang tính đa gọi (esquivoque) tạo ra ý nghĩa và giá trị thẩm mĩ của tác phẩm.

Nhận biết điều ấy thì việc giành vị trí đặc biệt quan trọng cho vấn đề đọc hiểu để đổi mới căn bản toàn diện dạy học Ngữ văn không phải là ý muốn chủ quan mà thực sự đọc hiểu đã trở thành nhu cầu lí luận thực tiễn trong dạy học Ngữ văn.

Nói đọc hiểu là căn bản vì tác phẩm văn chương được viết ra để đọc. Cuộc phiêu lưu đầy hấp dẫn để tìm ra ý nghĩa tác phẩm văn chương

trải ra trong quá trình đọc, nghĩa là thông qua thực hành mà ta có từ các nhà văn – điều ta chưa bao giờ thực sự được chứng kiến, trải nghiệm. Thử hỏi có giáo viên nào không say mê tìm hiểu ý nghĩa và vẻ đẹp của tác phẩm văn chương bằng năng lực đọc hiểu của mình. Họ muốn truyền kinh nghiệm và cảm hứng ấy cho học sinh. Có đọc hiểu thì giá trị văn chương mới tồn tại và khai sáng học sinh. Đọc hiểu có ý nghĩa toàn diện vì nó có liên quan trực tiếp đến việc xây dựng chương trình, viết sách giáo khoa và cung cách đổi mới phương pháp dạy học. Cần tránh bớt những trí thức hàn lâm ngoài tác phẩm và chỉ phân tích tác phẩm sơ sài, giáo điều nhồi nhét cho học sinh lí thuyết nghiên cứu, lí luận văn học không thể vận dụng trong quá trình đọc hiểu thì sẽ vô tình biến không cho Tzvetan Todorov những bằng chứng "nóng" để ông khẳng định nền "văn học đang lâm nguy" với cách dạy học của nhà trường.

5. Kết luận

Để đảm bảo tính chất căn bản, toàn diện, phải học cách tư duy theo quan điểm toàn cầu, phải chú ý lí luận về chất lượng giáo dục khi nó mở ra đủ loại hình nhà trường và cách dạy học không thể kiểm soát. Cũng phải học cách so sánh những cái không hoàn toàn tương đồng và không thể đo lường chính xác vì nó kích thích tư duy độc lập và tư duy phê phán những gì không liêm chính dưới những hình thức không thể bắt bẻ hay buộc tội.

Tri thức khoa học chính là một khối các phát ngôn của sự bất xác định với những mức độ khác nhau như là: đã chắc chắn, hoặc gần như chắc chắn mà thật ra chẳng có phát ngôn nào tuyệt đối chắc chắn. Hi vọng những điều đã trình bày ở trên chỉ là những thăm dò về đổi mới căn bản, toàn diện trong dạy học Ngữ văn của giáo dục Việt Nam.

SUMMARY

The author has presented the position on radical and comprehensive renovation of Literature Language subject in upper secondary schools at present, on the basis of the following analyses: 1/ Vietnamese educational background; 2/ A thorough review of characteristics of Language Arts and Literature subject in upper secondary schools; 3/ Values of Language Arts and Literature curriculum and textbooks independent of their lifespan; 4/ Resolving the disorder and interference embedded in teaching method in Literature Language subject; and specific recommendations put forth thereof.